

VỀ VỊ TRÍ VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC VỚI CÁC TRÀO LƯU VĂN HỌC KHÁC TRONG LÍ LUẬN VĂN HỌC VIỆT NAM SAU 1975

Nguyễn Thị Hồng Hạnh*

TÓM TẮT

Chủ nghĩa hiện thực là một trào lưu văn học quan trọng trong tiến trình văn học Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Tuy nhiên, việc đánh giá về vị trí và mối quan hệ giữa trào lưu này với một số trào lưu văn học khác còn có nhiều bất cập. Từ sau 1975, đặc biệt là từ cuộc đổi mới văn học năm 1986, vấn đề này đã được các nhà nghiên cứu nhìn nhận lại và có những ý kiến đánh giá khách quan và thỏa đáng hơn.

ABSTRACT

On the position and relationship of realism with other literary trends in Vietnamese literature theories after 1975

Realism has been an important trend of literature in literary process in Vietnam and the world. However, the position and relationship of this trend with the others have been evaluated inadequately. Since 1975, especially, from the literature innovation in 1986, researchers have reconsidered this issue and had more objective and reasonable evaluations.

Chủ nghĩa hiện thực là một trào lưu văn học ra đời vào thập niên 30 của thế kỷ XIX ở Tây Âu, sau đó lan rộng và có mặt trong hầu khắp các nền văn học trên thế giới. Với những nguyên tắc như lịch sử - cụ thể, điển hình hóa và khách quan,... chủ nghĩa hiện thực tỏ ra có ưu điểm vượt trội trong phản ánh chân thực, sinh động hiện thực đời sống cũng như thế giới bên trong con người. Chính vì lẽ đó, chủ nghĩa hiện thực đã trở thành một trào lưu quan trọng trong tiến trình văn học thế giới và vai trò, vị trí của chủ nghĩa hiện thực luôn là một vấn đề được quan tâm. Tuy vậy, ở nước ta, trước 1975, việc đánh giá về vị trí và mối quan hệ của chủ nghĩa hiện thực với các trào lưu khác vẫn còn nhiều bất cập. Từ sau 1975, đặc biệt là sau 1986, trong không khí chung của sự nghiệp đổi mới văn học, nhiều nhà nghiên cứu đã nhận thức lại vấn đề này và có những thay đổi trong cách nhìn nhận so với trước đây.

* ThS - Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ.

1. Về vị trí của chủ nghĩa hiện thực

Chủ nghĩa hiện thực là một bước tiến trong tư duy nghệ thuật của nhân loại. Việc đánh giá cao vấn đề này kể cũng là chuyện đương nhiên. Tuy nhiên, có không ít người đã nhiệt tình một cách thái quá, từ chỗ đề cao chủ nghĩa hiện thực đã đi đến tuyệt đối hóa vai trò của trào lưu này. Tình trạng ấy đã được Lê Ngọc Trà cảm nhận: *“Trong một thời gian dài và cả hiện nay nữa, các nhà nghiên cứu văn học thường nói nhiều về tính hiện thực, chủ nghĩa hiện thực của nghệ thuật mà chưa đi sâu xem xét một cách đầy đủ những mặt khác thuộc nội dung của tác phẩm. Điều đó tạo ra cảm giác rằng hình như chủ nghĩa hiện thực, sự phản ánh chân xác cuộc sống là toàn bộ nội dung cơ bản của tác phẩm, là giá trị bao trùm của nghệ thuật”, “Đến văn học cổ cũng bắt đầu bị đem ra đánh giá máy móc theo tiêu chí của chủ nghĩa hiện thực, xét hay dở căn cứ vào chỗ nó phản ánh hiện thực bên ngoài nhiều hay ít”* [8, tr.37]. Tình trạng đó cũng được nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Dân nhận thấy: *“Thế rồi lâu nay trong kho tàng văn học thế giới, chủ nghĩa hiện thực phê phán được chúng ta ưu ái nhất. Còn những sáng tác ngoài chủ nghĩa hiện thực thì bị đánh giá thấp hơn* [2, tr.54].

Sẽ không có vấn đề gì nếu việc đề cao chủ nghĩa hiện thực đáp ứng được yêu cầu thực tế, giúp cho văn học ngày càng phát triển. Thế nhưng, trên thực tế, tình trạng này đã dẫn đến những hậu quả khá nặng nề.

Đánh giá việc đề cao chủ nghĩa hiện thực, Lê Ngọc Trà cho rằng: *“Quan niệm như vậy không phù hợp với thực tế lịch sử nghệ thuật và cản trở việc nghiên cứu sức mạnh tư tưởng của nó”*. Nguyễn Văn Hạnh cảnh báo: *“tuyệt đối hóa chủ nghĩa hiện thực sẽ dẫn đến phủ nhận quyền tự do sáng tác, phủ nhận sự đa dạng phong phú trong nghệ thuật, không thấy hết vai trò của chủ nghĩa nhân đạo vốn là linh hồn của nghệ thuật chân chính”* [2, tr.55].

Phong Lê trong *Văn học trên hành trình thế kỷ XX* cũng nhận định: *“Không kể các giá trị nghệ thuật chân chính, đích thực bị co hẹp lại khiến cho di sản tự nhiên nghèo đi trong hướng tiếp nhận của quần chúng, mà hơn thế, nhiều giá trị còn bị vùi dập, xử lý oan”*[6, tr.412]. Đó là chưa kể điều này đã gây nên sự lúng túng trong việc sử dụng thuật ngữ và đánh giá vị trí của các tác phẩm và nhà văn lớn. Vì xem chủ nghĩa hiện thực là có giá trị nhất nên người ta lại quy tất cả những thành tựu và những gì có giá trị cao trong văn học nhân loại về hiện thực. Do vậy mà rồi sẽ có chủ nghĩa hiện thực cổ đại, hiện thực Phục hưng, và hiện

thực thể kỹ Ánh sáng, như là các chặng để đi đến Hiện thực phê phán thể kỹ XIX, được xem là một giai đoạn phát triển cao trong các phương pháp khái quát nghệ thuật. Và như vậy theo Phong Lê, “*Có nhiên, sự phân tích sẽ khó tránh khỏi lúng túng khi phải thêm một định ngữ sau chữ hiện thực, để xác định nó là các chặng, các giai đoạn đi tới, trước khi đến Chủ nghĩa hiện thực phê phán. Và một sự phân biệt khó tránh, nhưng lại như muốn che giấu, úp mở như vậy sẽ gây nên nhiều phân vân*” [6, tr.411].

Trên tinh thần chỉ trích tính quan phương của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, Lại Nguyên Ân đã chỉ ra hậu quả của việc đề cao chủ nghĩa hiện thực một cách khá mỉa mai rằng: “*sự cố vũ cho nhiệm vụ phản ánh hiện thực đã dẫn đến một hậu quả không mong muốn (...) hóa ra văn học “phô bày toàn bộ hiện thực phức tạp” không phải là thứ văn học có lợi! Như vậy, phải chăng đã đến lúc đành phải gác lại khẩu hiệu “văn học phản ánh hiện thực” và từ nay không đặt quả cân giá trị văn học vào chủ nghĩa hiện thực?* [1, tr.473]. Từ đó, ông cho rằng tâm lý nổi loạn trong văn học hiện thực phê phán những năm 30-45 có thể sẽ nguy hiểm và tư tưởng cải lương của sáng tác của Tự lực văn đoàn lại hợp thời.

Nhìn thấy hiện trạng, các nhà nghiên cứu còn đi tìm nguyên nhân để lý giải vấn đề. Phong Lê cho rằng sở dĩ chủ nghĩa hiện thực được đề cao vì các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin đã chọn chủ nghĩa hiện thực làm “*đối tượng phân tích để xây dựng học thuyết của mình*”, giai cấp vô sản trong buổi đầu bước vào đấu tranh chính trị đón nhận chủ nghĩa hiện thực như “*một lợi khí tinh thần đặc lực để nhận thức các mặt tiêu cực, tệ hại và sự tha hóa của con người*” và bản thân nó, chủ nghĩa hiện thực phê phán, xuất hiện và phát triển ở thế kỷ XIX trên nhiều nước phương Tây “*quả là một bước phát triển mới trong tiến trình văn học nhân loại*” [6, tr.409].

Việc đề cao chủ nghĩa hiện thực cũng gắn với việc nhấn mạnh nhiệm vụ phản ánh hiện thực của văn học. Lê Ngọc Trà đã lý giải tình trạng đó trên hai phương diện: “*Về phương diện lịch sử, ở ta khuynh hướng này có hai nguồn gốc trực tiếp: tư tưởng văn nghệ Diên An (Trung Quốc) và cách hiểu nghệ thuật một cách dung tục trong mỹ học và lý luận văn học Xô - viết. Còn về phương diện nhận thức, chủ trương này gắn với hàng loạt quan niệm thiếu chính xác về triết học và lý luận nghệ thuật*” [8, tr.38].

Lại Nguyên Ân thì tìm thấy nguyên nhân ở việc coi trọng ích dụng thực tế của văn học: *“Nền văn học cán bộ của ta vốn trọng sự ích dụng thực tế, đặc biệt là ích dụng tuyên truyền cho công việc của bộ máy. Dần dà từ định hướng trọng lợi ích thiết thực, thực tế, văn học này tự trang bị lý thuyết: lý thuyết “văn học phản ánh hiện thực”, lý thuyết “chủ nghĩa hiện thực”* [1, tr. 473].

Từ chỗ “bắt mạch” được “căn bệnh” của lý luận văn học Việt Nam ta thời gian qua, các nhà lý luận còn muốn cải tạo tình trạng trên. Xóa bỏ định kiến trên là điều họ chủ trương. Nguyễn Văn Dân đã kêu gọi các nhà nghiên cứu Việt Nam hãy xóa bỏ cái định kiến đồng nhất chủ nghĩa hiện thực với giá trị thẩm mỹ vì theo ông *“Thực ra, bất cứ ai cũng thấy rõ một sự thực hiển nhiên là trong các di tích lịch sử đã được xếp hạng của loài người, không phải di tích nào cũng là hiện thực chủ nghĩa”* [2, tr. 55]. Việc khôi phục lại vị trí đáng có của các dòng văn học khác cũng được đẩy mạnh: *“chủ nghĩa cổ điển và chủ nghĩa lãng mạn - ít ra là dòng văn học lãng mạn tiến bộ - đều là sản phẩm của những nỗ lực muốn phản ánh hiện thực sâu sắc hơn. Các trào lưu ấy không những chứa đựng sự thật của cuộc sống mà cũng là những hình thái khám phá, chiếm lĩnh hiện thực bằng nghệ thuật”* [9, tr. 50].

Tất nhiên, bên cạnh những ý kiến cổ xúy cho tư tưởng đổi mới cách đánh giá đề cao chủ nghĩa hiện thực, vẫn có những ý kiến cho rằng việc đề cao chủ nghĩa hiện thực là hợp với sự phát triển của tiến trình văn học. Tiêu biểu cho quan điểm này là nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ. Trong *Đổi mới và quy luật*, ông cho rằng trong khi những nhà lãng mạn tiến bộ như Huygo, Bairon cũng không vượt qua được chủ nghĩa xã hội không tưởng, họ vẫn là những nhà duy tâm lịch sử thì phương pháp hiện thực phê phán tiến bộ hơn vì tinh thần khoa học và triết học duy vật đã giúp cho các nhà văn xác định phương pháp miêu tả theo chủ nghĩa khách quan lịch sử, xây dựng được những tính cách điển hình trong những hoàn cảnh điển hình, tránh được khuynh hướng lý tưởng hóa hoặc phóng đại của chủ nghĩa lãng mạn”[3, tr. 59].

Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy là trong khi bên vực chủ nghĩa hiện thực, Phan Cự Đệ cũng chỉ nói một cách chừng mực, phải phép. Ông cho đó là một bước tiến so với chủ nghĩa lãng mạn và là bệ phóng cho chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Như vậy, tiếp tục đánh giá cao chủ nghĩa hiện thực không có nghĩa là hoàn toàn ủng hộ sự tuyệt đối hóa vai trò, vị trí của chủ nghĩa hiện thực.

Sự lên tiếng này có lẽ chỉ để tránh cho lý luận đi từ thái cực này đến thái cực khác, giúp cho chủ nghĩa hiện thực tránh khỏi tình trạng bị hạ bệ một cách oan uổng mà thôi. Vị trí của chủ nghĩa hiện thực như thế nào, thực tế sẽ trả lời. Không cần chúng ta hô hào, cổ động hay trì nín. Trong quá khứ, chủ nghĩa hiện thực đã thực sự tỏa sáng, tất nhiên là cùng tỏa sáng với không ít trào lưu trước, cùng thời và sau nó. Mối quan hệ giữa chủ nghĩa hiện thực với các trào lưu và phương pháp sáng tác khác cũng đã được tiến hành nghiên cứu và cũng có những ý kiến trái ngược nhau.

2. Mối quan hệ của chủ nghĩa hiện thực với các trào lưu, phương pháp sáng tác khác

Trước khi chủ nghĩa hiện thực xuất hiện, trong văn học đã tồn tại hai trào lưu lớn, đó là chủ nghĩa cổ điển và chủ nghĩa lãng mạn. Tuy nhiên, do xuất hiện giữa lúc nhu cầu nhận thức xã hội của con người tăng cao, do chỉ ra được những mâu thuẫn cơ bản của xã hội, và do phù hợp với vai trò là vũ khí đấu tranh của các nhà cách mạng, chủ nghĩa hiện thực sớm được đánh giá cao, thậm chí đề cao quá mức như vừa trình bày. Tuy nhiên, một thành tựu nghệ thuật không bao giờ là thành quả đột xuất, mà bao giờ cũng kế thừa ít nhiều từ các thành quả trước đó. Chính vì vậy, khi nghiên cứu về chủ nghĩa hiện thực, nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã chú ý đến sự ảnh hưởng của các trào lưu trước đó, đặc biệt là chủ nghĩa lãng mạn đối với chủ nghĩa hiện thực. Song, ở ta, tình trạng xem nhẹ, thậm chí đối lập chủ nghĩa lãng mạn với chủ nghĩa hiện thực vẫn là một việc làm có nguy cơ biến thành thói quen. Lên tiếng về thực trạng này, Phong Lê cho rằng *“Kẻ chịu đựng nỗi oan này nhiều nhất là chủ nghĩa lãng mạn, cùng song hành với chủ nghĩa hiện thực”* vì nó bị xem là *“lạc hậu, là sự cổ vũ cho con người thoát ly hiện thực, đi xa hơn, nó còn được xem là sự đồng lõa, sự tiếp tay cho các thế chế chính trị phản động”* trong khi chủ nghĩa lãng mạn, đặc biệt chủ nghĩa lãng mạn ở các nước Đông Âu *“lại là sản phẩm, là sự khẳng định các khát vọng của nhân dân trên con đường hình thành các quốc gia, dân tộc; và đặc biệt trong khuynh hướng hồi vọng về quá khứ, đó là thái độ phản ứng với trật tự tư sản mới ra đời đã đem lại bao nhiêu thảm trạng cho các tầng lớp nhân dân lao động”* [6, tr. 413].

Như vậy, sự khôi phục lại vị trí cho chủ nghĩa lãng mạn đã cho thấy mối quan hệ khá bình đẳng giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn. Đó cũng là cách đánh giá khách quan và hợp lý cần có.

Trong khi chủ nghĩa hiện thực còn đang tồn tại, vào nửa sau thế kỷ XIX, nhân loại đã chứng kiến một sự bùng nổ của các trào lưu văn học. Theo Phùng Văn Tửu, đó không phải là thời kì “các trào lưu văn học có thể đánh dấu bằng thế kỷ” mà “trong một thế kỷ có nhiều trào lưu lớn kế tiếp nhau”. Lúc này, chủ nghĩa hiện thực không độc diễn văn đàn mà cùng chung sống với chủ nghĩa tự nhiên và các chủ nghĩa hiện đại. Để cổ vũ cho sự tồn tại và phát triển của mình, một số nhà văn thuộc các trào lưu ấy đã ra sức công kích chủ nghĩa hiện thực. Chẳng hạn, khi chủ nghĩa vị lai thịnh hành ở Nga, một số người đã la ó: hãy từ “con thuyền của cuộc sống hiện tại vứt bỏ Puskin, Đôxtôiépki, L.Tônxtôi”. Tuy nhiên, vì không ít tác phẩm của các trào lưu ấy đi vào bế tắc, khủng hoảng trong tư tưởng cũng như tắc tị, rối rắm về hình thức đã khiến cho người ta đánh giá thấp giá trị của các trào lưu này và quay về đề cao chủ nghĩa hiện thực. Song, trong khi phê phán các trào lưu khác, họ đã vứt bỏ luôn các yếu tố tích cực của chúng. Tiêu biểu cho quan điểm này là G.Luckacs, người được cho là tác giả của chủ trương “chủ nghĩa hiện thực vĩ đại”. Trong khi giới thiệu những đóng góp của Luckacs, Phương Lựu đã chỉ ra hạn chế của ông như sau: “chủ nghĩa hiện thực vĩ đại của G.Lukacs vẫn có những điểm yếu của nó mà trước hết là việc ông phủ nhận hoàn toàn chủ nghĩa hiện đại, không thấy có thể hấp thu những yếu tố khả thủ của nó để làm phong phú thêm thi pháp của chủ nghĩa hiện thực” [7, tr. 17].

Tương tự như vậy, khi thể hiện sự khôi phục lại vị trí của chủ nghĩa lãng mạn, Phong Lê cũng cho rằng: “Một mảng lớn sự phát triển của các khuynh hướng Hiện đại chủ nghĩa cũng dần được khôi phục lại các giá trị đích thực của nó, như là những tìm tòi nghệ thuật trên con đường chiếm lĩnh hiện thực” [7, tr.413].

Nói chung, khi nhận thức lại vị trí của chủ nghĩa hiện thực, mối quan hệ giữa nó với các trào lưu trước và cùng thời với nó cũng được đánh giá lại theo tình thần bình đẳng, thấu lý đạt tình hơn, một mặt giúp cho chủ nghĩa hiện thực được đánh giá đúng với vai trò, vị trí của nó, mặt khác giúp cho các trào lưu văn học trước và cùng thời với nó được thể hiện vẻ đẹp và giá trị riêng của mình. Vậy

mối quan hệ giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, một trào lưu ra đời sau đó, thì được đánh giá như thế nào?

Từ trước đến nay, trong các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa hiện thực, mệnh đề chủ nghĩa hiện thực phê phán là “tiền thân trực tiếp” của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa vẫn thường được nhắc đi nhắc lại. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa được coi là bước phát triển tiếp theo của chủ nghĩa hiện thực và là đỉnh cao trong văn học nghệ thuật. Nhận định về tình hình này, Nguyễn Văn Dân viết: “Đối với chủ nghĩa hiện thực XHCN, từ trước đến nay, nhiều nhà nghiên cứu của ta đã coi nó là kết quả của quá trình phát triển cao của chủ nghĩa hiện thực” cho nên “chủ nghĩa hiện thực XHCN đã được coi là một giá trị cao hơn so với chủ nghĩa hiện thực và là một giá trị thẩm mỹ hoàn hảo” [2, tr. 56].

Trong bài *Về nội dung khái niệm chủ nghĩa hiện thực trong văn học*, Nguyễn Văn Hạnh cũng cho rằng đối với các nhà nghiên cứu và lý luận văn học của chúng ta hiện nay, chủ nghĩa hiện thực được xem như “là nguồn gốc, là truyền thống, nếu không phải là duy nhất, thì cũng là quan trọng bậc nhất của phương pháp sáng tác mới” [5, tr. 57].

Rõ ràng, đối với các trào lưu xuất hiện trước và cùng thời, chủ nghĩa hiện thực được đề cao, song đối với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa hiện thực luôn được quan niệm như một bệ phóng, một bước chuẩn bị cho sự thành công của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Sau khi giới thiệu nguyên lý tính hệ thống, Trọng Đức đã vận dụng nguyên lý này để nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Một mặt, ông thừa nhận hai phương pháp sáng tác này có những điểm cộng đồng, mặt khác ông cho rằng có những điểm khác biệt. Những điểm khác biệt này có thể là do “sự nâng cao những điểm cũ đã có của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong những điều kiện mới của hiện thực, của khoa học và của bản thân văn học nghệ thuật, ví như tính lịch sử, tính điển hình, hay chức năng cái tạo” hoặc “là những điểm hoàn toàn mới không có trong chủ nghĩa hiện thực phê phán như tính đảng, hay như chủ nghĩa nhân đạo vô sản” [4, tr. 54]. Trong hệ thống Trọng Đức đã nêu, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa rõ ràng là sự phát triển nâng cao từ chủ nghĩa hiện thực.